

Biểu 1
CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	237,200	TỔNG SỐ CHI	237,200
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1,734	I. Chi đầu tư phát triển	3,371
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	9,537	II. Chi thường xuyên	55,456
III. Thu bổ sung	225,929	III. Dự phòng	1,763
- Bổ sung cân đối	49,319	IV. Bổ sung mục tiêu	176,610
- Bổ sung có mục tiêu	176,610		
IV. Thu chuyển nguồn			

Biểu 2
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND
ngày 08/9/2025 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU	THU
		NSNN	NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	628,130	237,200
I	Các khoản thu 100%	1,750	1,734
1	Phí, lệ phí	350	334
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1,070	1,070
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	-
4	Thu khác	330	330
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	400,451	9,537
1	Thu từ các doanh nghiệp địa phương quản lý	120	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	475	333
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	27,392	529
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	12,500	966
5	Thuế thu nhập cá nhân	5,040	3,528
6	Thu tiền sử dụng đất	352,724	3,371
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	2,200	810
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225,929	225,929
	- Thu bổ sung cân đối	49,319	49,319
	- Thu bổ sung có mục tiêu	176,610	176,610

Biểu 3
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND
ngày 08/9/2025 của UBND xã Xuân Trường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	237,200	3,371	233,829
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	3,371	3,371	
II	Chi thường xuyên	55,456	-	55,456
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	571		571
2	Chi y tế, dân số và gia đình	237		237
3	Chi văn hoá, thông tin	316		316
4	Chi phát thanh, truyền thanh	267		267
5	Chi thể dục thể thao	102		102
6	Chi bảo vệ môi trường	570		570
7	Chi các hoạt động kinh tế	9,517		9,517
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	37,153		37,153
9	Chi cho công tác xã hội	2,611		2,611
10	Chi quân sự, an ninh	4,075		4,075
11	Chi khác	36		36
III	Dự phòng ngân sách	1,763		1,763
IV	Chi bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	176,610		176,610